XÁC ĐỊNH LẠI QUAN HỆ CHA VÀ CON - NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ, THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Nguyễn Thị Lan[1]

Tóm tắt: *Xác định lại quan hệ cha và con trong thực tiễn giải quyết tại toà án còn một số vướng mắc. Bài viết khái quát pháp luật xác định lại quan hệ cha và con trong trường hợp sinh con tự nhiên và sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; nhận xét thực tiễn xác định lại quan hệ cha và con tại Toà án nhân dân, đề cập và bình luận một vài vụ án và đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật về xác định lại quan hệ cha và con nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.*

Từ khoá: *Xác định cha, mẹ, con; xác định lại quan hệ cha và con; tranh chấp quan hệ cha và con, án kiện xác định quan hệ lại cha và con.*

Nhận bài: 20/2/2022; Hoàn thành biên tập: 15/3/2022; Duyệt đăng: 23/3/2022.

Abstract: *There have been some obstacles in solving cases at the court regarding to redefining the father-child relationship. The article gives an overview of the law on redefining the father-child relationship in the case of natural childbirth and childbirth assisted by reproductive technology; comments on practical redefinition of the father-child relationship at the People's Court. The article also mentions and gives comments on some cases of redefining the father-child relationship and makes some recommendations to improve the law on redefining the father-son relationship in order to ensure legitimate rights and interests of the involved parties.*

Keywords: *Identifying father, mother, child; redefining the father-child relationship; father-child relationship dispute, cases of redefining the father-son relationship.*

Date of receipt: 20/2/2022; Date of revision: 15/3/2022; Date of Approval: 23/3/2022.

1. Pháp luật Việt Nam hiện hành về xác định lại quan hệ cha và con

Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 quy định những tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Toà án[2], trong đó có quy định các vụ việc trong chế định xác định cha, mẹ, con khi có tranh chấp bao gồm: Tranh chấp về xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ; tranh chấp về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ về mục đích nhân đạo; Các vụ việc trong chế định xác định cha, mẹ, con khi có yêu cầu, đó là, yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình[3].

Luật Hôn nhân và Gia đình (HN&GĐ) năm 2014 quy định các vụ việc xác định cha, mẹ, con thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án, bao gồm: việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp có tranh chấp, người được yêu cầu xác định là cha, mẹ, con đã chết, trường hợp có yêu cầu về việc xác định cha, mẹ, con mà người có yêu cầu chết, sau đó, người thân thích của người đó yêu cầu Toà án xác định cha, mẹ, con cho người có yêu cầu đã chết[4], trường hợp có tranh chấp về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ[5] (như trường hợp bên mang thai hộ có yêu cầu buộc bên nhờ mang thai hộ nhận con khi bên nhờ mang thai hộ từ chối nhận con[6], trường hợp bên nhờ mang thai hộ yêu cầu bên mang thai hộ giao con khi bên mang thai hộ từ chối giao con[7]). Tuy nhiên, Luật HN&GĐ năm 2014 không quy định cụ thể các trường hợp có tranh chấp trong việc mang thai hộ khi vi phạm điều kiện mang thai hộ hay mang thai hộ vì mục đích thương mại.

Luật HN&GĐ năm 2014 quy định ba trường hợp xác định cha, mẹ, con thuộc thẩm quyền của Toà án là không hoàn toàn hợp lý. Đối với trường hợp xác định cha, mẹ, con theo Điều 92 Luật HN&GĐ năm 2014 vẫn có thể xếp vào trường hợp có tranh chấp, bởi vì, lúc ban đầu khi một người xác định một người khác là cha, mẹ, con của mình thì có thể vụ việc đó có tranh chấp giữa

---

[1] Phó giáo sư, Tiến sỹ, Giảng viên cao cấp Trường Đại học Luật Hà Nội.

[2] Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Điều 28, 29 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Khoản 1 Điều 99 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Khoản 5 Điều 97 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Khoản 5 Điều 98 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

các đương sự, nhưng đang giải quyết vụ việc thì người này chết, sau đó, người thân thích của người có yêu cầu chết tiếp tục có yêu cầu xác định cha, mẹ, con cho người đã từng có yêu cầu chết thì vẫn có thể có tranh chấp giữa các đương sự.

Về xác định lại quan hệ cha con, Điều 88 Luật HN&GĐ năm 2014 quy định: trong trường hợp cha mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được toà án xác định. Điều 89 cũng quy định thêm một người được nhận là cha, là mẹ của một người có thể yêu cầu toà án xác định người đó không phải là con của mình nhưng lại không có quy định một người hiện đang là con của một người có quyền xác định người đó không phải là cha, là mẹ của mình.

Như vậy, việc xác định lại quan hệ cha con được đặt ra khi giữa hai bên đang tồn tại quan hệ cha con thì một trong hai bên nghi ngờ về quan hệ huyết thống nên đã muốn xác định lại quan hệ đó.

Trong trường hợp người vợ sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì việc xác định lại quan hệ cha con cũng áp dụng tương tự như Điều 88 Luật HN&GĐ năm 2014[8]. Đây được coi là một loại tranh chấp mới được bổ sung trong BLTTDS năm 2015. Chẳng hạn, việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thực hiện trong nội bộ cặp vợ chồng vô sinh nhưng sau khi sinh con, vợ chồng đó đã giám định gen và thấy rằng đứa trẻ không phải là con mình thì họ có quyền xác định lại quan hệ cha mẹ và con. Tuy nhiên, nếu việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản với việc xin tinh trùng, xin phôi từ ngân hàng tinh trùng, ngân hàng phôi thì pháp luật nên quy định không cho phép người chồng được yêu cầu xác định lại quan hệ cha và con mà quan hệ này tồn tại vĩnh viễn.

Luật HN&GĐ năm 2014 đã quy định vấn đề mang thai hộ - xuất phát từ thực tiễn ở nước ta hiện nay, vấn đề mang thai hộ là nhu cầu của rất nhiều cặp vợ chồng. Mang thai hộ đang là vấn đề thực tế và tạo ra nhiều hệ lụy cho gia đình và xã hội[9], trong khi đó ở nhiều quốc gia trên thế giới, đơn cử là Cộng hòa Liên bang Đức, pháp luật quy định cấm việc mang thai hộ dưới mọi hình thức, với quan điểm, việc làm này đã vi phạm nhân phẩm con người[10]. Bởi tính chất phức tạp của vấn đề mang thai hộ sẽ phát sinh nhiều vấn đề trên thực tế. Tranh chấp về mang thai hộ cũng có thể sau khi nhận con thì cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ yêu cầu xác định đứa trẻ sinh ra từ việc mang thai hộ không phải con của mình như việc mang thai hộ vi phạm mục đích, điều kiện. Chẳng hạn, việc mang thai hộ vì mục đích thương mại chứ không phải vì mục đích nhân đạo, việc mang thai hộ vi phạm điều kiện mang thai hộ như người mang thai hộ không phải là người thân thích cùng hàng, việc mang thai hộ không có sự đồng ý của chồng người mang thai hộ và trong thời gian người mang thai hộ đang mang thai hoặc sau khi đứa trẻ được sinh ra thì có yêu cầu huỷ bỏ việc mang thai hộ; hoặc người nhờ mang thai hộ yêu cầu dừng việc mang thai theo chỉ định của bác sĩ nhưng người mang thai hộ không chịu phá thai và sinh con... Đây là những loại vụ việc mà Toà án vẫn phải giải quyết cho dù không có điều luật áp dụng theo tinh thần tại Điều 4 BLTTDS năm 2015. Về nguyên tắc, con sinh ra trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là con chung của vợ chồng nhờ mang thai hộ kể từ thời điểm con được sinh ra. Như vậy, căn cứ xác định cha, mẹ, con trong trường hợp mang thai hộ dựa trên yếu tố huyết thống, thời kỳ hôn nhân của người nhờ mang thai hộ. Đứa trẻ này có thể thuộc trường hợp con được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nhưng sự kiện sinh đẻ không phải do người vợ thực hiện mà do người khác thực hiện. Nếu có tranh chấp về việc không thừa nhận đứa trẻ sinh ra từ việc mang thai hộ thì sẽ giải quyết như thế nào? Chẳng hạn, người chồng không thừa nhận con thì thì phải có chứng cứ và phải được toà án xác định. Việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp mang thai hộ được áp dụng tương tự như nguyên tắc suy đoán tại Điều 88 Luật HN&GĐ năm 2014. Trong vấn đề mang thai hộ có thể vì lý do này, lý do khác mà đứa trẻ có thể sinh ra không phải là sự kết hợp của noãn và tinh trùng của cặp vợ chồng vô sinh nhờ mang thai hộ. Do đó, họ có quyền xác định lại quan hệ cha mẹ và con và phải có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó.

---

[8] Xem Điều 93 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9] Xem: Nguyễn Văn Cừ (2016), *"Pháp luật về mang thai hộ ở Việt Nam"*, Tạp chí Luật học, Đại học Luật Hà Nội, Việt Nam, số 6/2016, tr.11-22.

[10] Xem: GS.TS. Christa Randzio-Plath: *"Vấn đề mang thai hộ ở Đức - Các quy định và luận cứ"*, Tài liệu Tọa đàm "Pháp luật Việt Nam và Liên minh Châu Âu về hiến, lấy, ghép mô, xác, các bộ phận cơ thể người và mang thai hộ", Trường Đại học Luật Hà Nội, Việt Nam, ngày 26/04/2016, tr.1.

Đối với tranh chấp xác định lại quan hệ cha con thì chứng cứ chứng minh không có quan hệ cha con là bắt buộc, như kết luận giám định gen, kết luận giám định về tình trạng bất lực sinh lý của người chồng, kết luận của cơ sở y tế về tình trạng vô sinh của người chồng, của người đàn ông đang là cha của đứa con đó. Đối với kết luận giám định gen – có thể coi là một chứng cứ quan trọng và chính xác để xác định không có quan hệ huyết thống giữa hai bên chủ thể đang có quan hệ cha con về mặt pháp lý. Đa phần trong các vụ việc này, các đương sự thường tự mình thực hiện việc giám định gen, theo pháp luật tố tụng dân sự hiện hành, kết quả giám định gen này không được xác định là chứng cứ. Toà án có quyền trưng cầu giám định theo yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc khi Toà án xét thấy cần thiết. Điều này có thể gây ra những phiền phức cho đương sự, họ sẽ mất thời gian, bị thiệt hại về tài chính... Điều 102 BLTTDS năm 2015 đã quy định theo hướng chấp nhận kết luận giám định do đương sự tự mình thực với điều kiện: *"Đương sự có quyền yêu cầu trưng cầu giám định hoặc tự mình trưng cầu giám định sau khi đã đề nghị Toà án trưng cầu giám định nhưng Toà án từ chối yêu cầu của đương sự..."* Quy định này là phù hợp với quá trình xã hội hoá hiện nay, tuy nhiên, chỉ mới dừng lại ở một chừng mực nhất định. Bởi vì, trong các vụ việc về xác định cha, mẹ, con, đặc biệt là khi người chồng nghi ngờ con chung của vợ chồng không phải là con mình thì họ thường tiến hành giám định gen trước khi yêu cầu khởi kiện ra toà chứ không đợi khi yêu cầu trưng cầu giám định của mình bị toà án từ chối. Nếu áp dụng Điều 102 BLTTDS năm 2015 thì kết luận giám định trong trường hợp đương sự tự trưng cầu này là không có giá trị pháp lý. Theo quan điểm của chúng tôi, trường hợp này cũng tương tự như trường hợp đương sự tự mình trưng cầu giám định sau khi Toà án từ chối yêu cầu giám định và Toà án hoàn toàn có quyền kiểm tra tính xác thực của kết luận giám định đó và xem xét, đánh giá với các chứng cứ khác theo quy định của pháp luật để xác định sự thật khách quan của vụ án. Do đó, nên chăng cần chấp nhận cả kết luận giám định mà đương sự đã tự mình thực hiện trước khi khởi kiện để đỡ kinh phí và thời gian của các bên đương sự nếu như kết luận giám định đó được thực hiện ở các cơ sở giám định được nhà nước cấp. Bên cạnh đó, trường hợp này có thể áp dụng khoản 2, 3 Điều 92 BLTTDS năm 2015 về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh *"một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không cần phải chứng minh; Đương sự có người đại diện tham gia tố tụng thì sự thừa nhận của người đại diện được coi là sự thừa nhận của đương sự nếu không vượt quá phạm vi đại diện"*.

Hiện nay, một vấn đề đặt ra là khi Toà án trưng cầu giám định gen trong vụ việc xác định cha, mẹ, con mà một trong các đương sự không hợp tác thì có giải pháp gì để khắc phục hay không? Luật Giám định tư pháp năm 2012 không có quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đối với việc lấy mẫu giám định trong các vụ việc dân sự. Điều này đã gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án. Theo quan điểm của chúng tôi, để đảm bảo cho việc xét xử chính xác và nhanh chóng theo đúng thời gian quy định của pháp luật thì cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về trường hợp này theo hướng: khi đương sự từ chối, không hợp tác trong việc lấy mẫu giám định thì tổ chức giám định được quyền giám định qua người thân thích của họ hoặc phải quy định đây là nghĩa vụ của đương sự để có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế nếu thấy cần thiết.

Mặt khác, Luật HN&GĐ năm 2014 đã quy định xác định cha, mẹ, con trong trường hợp người có yêu cầu chết thì người thân thích của người này có quyền yêu cầu Toà án xác định cha, mẹ, con cho người có yêu cầu đã chết (Điều 92 Luật HN&GĐ năm 2014). Nhưng hiện không có quy định nếu một người đang yêu cầu xác định một người không phải là cha, mẹ, con của mình mà chết thì những người thân thích của họ có quyền yêu cầu toà án xác định một người không phải là cha, mẹ, con của người có yêu cầu chết. Và khi người có yêu cầu chết thì vụ việc đó xử lý tiếp như thế nào? Theo điểm a khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 thì một trong những căn cứ để toà án đình chỉ giải quyết vụ án là *"Nguyên đơn hoặc bị đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế"*. Về lý luận, quyền xác định cha, mẹ, con là quyền nhân thân gắn liền với chủ thể mà không thể chuyển giao cho người khác, tức là quyền này không được thừa kế. Do vậy, trong trường hợp này phải đình chỉ giải quyết vụ án. Sau đó, những người thân thích của người này sẽ khởi kiện việc xác định cha, mẹ, con cho người đã chết theo một vụ án mới? Hay đây được coi là một trường hợp ngoại lệ, khi người có yêu cầu xác định cha, mẹ, con chết thì người thân thích sẽ tiếp tục tham gia tố

tụng trong vụ án đó luôn? Đây là vấn đề mà còn nhiều quan điểm khác nhau.

Cách tiếp cận thứ nhất cho rằng, để phù hợp về lý luận, không vi phạm thủ tục tố tụng thì trong trường hợp này phải đình chỉ giải quyết vụ án, sau đó, những người thân thích của người đã từng có yêu cầu chết sẽ được khởi kiện xác định một người là cha, mẹ, con của người đã từng có yêu cầu chết hoặc xác định một người không phải là cha, mẹ, con của người đã chết.

Cách tiếp cận thứ hai cho rằng, mục đích của nhà làm luật trong việc thiết kế Điều 92 Luật HN&GĐ năm 2014 là nhằm giản tiện và tiết kiệm chi phí cũng như thời gian cho đương sự và toà án. Do đó, đây phải coi là một trường hợp ngoại lệ để cho người thân thích của người đã từng có yêu cầu nhưng bị chết được tiếp tục tham gia tố tụng trong vụ án đó mà không nên đình chỉ rồi lại yêu cầu khởi kiện thành một vụ án mới. Chúng tôi cũng đồng tình với cách tiếp cận này với cách lập luận như trên.

2. Thực tiễn giải quyết các vụ án về xác định lại quan hệ cha, con và một số kiến nghị

Về tranh chấp trong việc xác định lại quan hệ cha và con cũng không nhiều như việc xác định cha, mẹ, con khi cha mẹ không có hôn nhân hợp pháp. Nhiều tranh chấp về xác định lại quan hệ cha và con liên quan đến các vụ việc khác như ly hôn, tranh chấp về tài sản và con cái khi ly hôn, hủy việc kết hôn trái pháp luật, thừa kế.

Trên thực tế hiện nay, về vấn đề này thường xảy ra các trường hợp như: người chồng yêu cầu ly hôn ngay cả khi người vợ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi vì có đủ chứng cứ chứng minh người vợ đang mang thai với người khác hoặc đứa con đó không phải là con của mình; Người chồng sau khi ly hôn mới phát hiện con chung không phải là con của mình và yêu cầu xác định đứa trẻ không phải là con mình. Đây là vụ việc khá phức tạp, các toà án thường không xử lý là một vụ kiện riêng biệt mà sẽ xem xét lại bản án ly hôn đã xử trước đó theo hướng xác định lại quan hệ cha con, theo kết quả đó để xử lý việc cấp dưỡng cho con khi ly hôn. Tuy nhiên, cũng tùy vào tình tiết của vụ án mà có thể việc xác định lại quan hệ cha con vẫn được thực hiện ở một vụ án độc lập; Khi người cha chết, những người thừa kế mới phát hiện một người đang là con của người đã chết không phải là con nên muốn bác bỏ quyền thừa kế của người con đó bằng việc xác định lại quan hệ cha và con. Tuy nhiên, xét về lý luận thì những người thừa kế không có quyền yêu cầu xác định lại quan hệ cha con đó vì đây là quan hệ nhân thân gắn với chủ thể và không thể chuyển giao cho người khác. Điều này có thể làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người những người thừa kế khác.

Trong vụ án về xác định lại quan hệ cha và con, việc cung cấp chứng cứ thuộc về đương sự. Do đó, nếu họ yêu cầu xác định lại quan hệ cha con mà không cung cấp được chứng cứ thì toà án không chấp nhận đơn yêu cầu. Việc thu thập chứng cứ trong trường hợp này là tương đối khó khăn, có thể một trong hai chủ thể không hợp tác lấy mẫu để giám định gen. Theo tác giả Nguyên Văn Cừ, Nguyễn Thị Lan: "*Khi Tòa án giải quyết, nghĩa vụ chứng minh thuộc về các đương sự. Thông thường, để giải quyết các tranh chấp này, các đương sự có yêu cầu giám định tư pháp về ADN để Tòa án có cơ sở quyết định*"[11]. Do đó, nếu không có sự hợp tác trong việc giám định gen thì yêu cầu của đương sự không được giải quyết. Trừ khi có những chứng cứ xác thực khác.

Đối với vụ việc xác định lại quan hệ cha và con trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ là khá phức tạp. Hiện nay trên thực tế chưa có tranh chấp nhưng nếu xảy ra trên thực tế thì chưa có đủ hành lang pháp lý để giải quyết.

Qua nghiên cứu thực tiễn, chúng tôi xin đơn cử một vài vụ việc xác định lại quan hệ cha và con đã được giải quyết tại Toà án nhân dân để thấy rõ kỹ năng, cách thức giải quyết, áp dụng pháp luật phù hợp với từng tính chất của từng vụ việc.

Bản án số 751/2020/HNGĐ-St ngày 24/12/2020 về việc tranh chấp xác nhận cha cho con (Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội). Nguyên đơn là Ông Lê Việt Dũng (tức Nguyễn Văn Tuấn), sinh ngày 01/8/1963 và Bị đơn là ông Lê Quốc Hùng, sinh năm 1971; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cụ Nguyễn Văn Thâm, sinh năm 1928 (đã chết ngày 29/11/2020). Nội dung vụ việc như sau:

Ông Lê Việt Dũng trình bày: năm 1961, bố đẻ ông là cụ Nguyễn Văn Thâm kết hôn với mẹ

[11] PGS.TS. Nguyên Văn Cừ, PGS.TS. Nguyễn Thị Lan (2019), *"Tính nhân văn của pháp luật về mang thai hộ ở Việt Nam"*, sách chuyên khảo "Luật học Việt Nam – Những vấn đề đương đại", Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Tư pháp, tr.457.

ông là cụ Ngô Thị Dung. Ngày 01/8/1963, bố mẹ ông sinh ra ông và đặt tên trong giấy khai sinh là Nguyễn Văn Tuấn. Năm 1977, bố mẹ ông ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (nay là Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh). Theo Quyết định của Tòa án thì mẹ là người tiếp nuôi dưỡng ông. Sau khi ly hôn, mẹ ông kết hôn với cụ Lê Phúc Hưng, sinh năm 1939. Cụ Hưng và mẹ ông đã đổi tên ông trong giấy khai sinh từ Nguyễn Văn Tuấn thành Lê Việt Dũng. Từ đó mọi giấy tờ nhân thân của ông đều là Lê Việt Dũng, sinh ngày 01/8/1963 (*trong giấy khai sinh họ tên cha là ông Lê Phúc Hưng*). Mẹ ông là cụ Ngô Thị Dung, sinh năm 1941, chết ngày 12/9/2000. Bố dượng ông là cụ Lê Phúc Hưng, sinh năm 1939, chết ngày 06/02/1999. Ngày 10/6/2020, cụ Nguyễn Văn Thầm (bố đẻ của ông) có làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xác nhận quan hệ cha – con giữa ông và cụ Thầm và ngày 01/10/2020 Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã thụ lý vụ án với cụ Nguyễn Văn Thầm là nguyên đơn, bị đơn là anh Lê Quốc Hùng (con trai cụ Lê Phúc Hưng), ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống giữa ông và cụ Thầm. Sau khi có kết luận giám định, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng đến ngày 29/11/2020, cụ Nguyễn Văn Thầm đã chết do tuổi cao. Vì vậy, nay ông đề nghị Tòa án đưa ông tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và đề nghị Tòa án xác định cụ Nguyễn Văn Thầm là cha đẻ của ông để ông có căn cứ thay đổi hộ tịch, mang họ Nguyễn của bố đẻ là cụ Nguyễn Văn Thầm.

Ông Lê Quốc Hùng trình bày: ông là con ruột của cụ Lê Phúc Hưng và cụ Ngô Thị Dung. Do mắc bệnh hiểm nghèo nên cụ Lê Phúc Hưng đã chết ngày 06/02/1999 và cụ Ngô Thị Dung đã chết ngày 12/9/2000. Trước khi mẹ ông kết hôn với bố ông là cụ Lê Phúc Hưng thì cụ Dung đã có chồng là Nguyễn Văn Thầm và đã ly hôn với cụ Nguyễn Văn Thầm. Giữa mẹ ông và cụ Thầm có một con chung duy nhất là ông Nguyễn Văn Tuấn, sinh ngày 01/8/1963 (tức Lê Việt Dũng). Ông Lê Việt Dũng là anh trai cùng mẹ khác cha với ông. Việc ông Dũng chuyển từ họ Nguyễn sang họ Lê là do lịch sử gia đình. Khi ly hôn với cụ Thầm mẹ ông trực tiếp nuôi ông Dũng và sống cùng bố ông là Lê Phúc Hưng. Nay ông Dũng yêu cầu xác nhận cụ Nguyễn Văn Thầm là cha đẻ của ông Dũng, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho ông Dũng.

Cụ Nguyễn Văn Thầm đã từng trình bày: năm 1961, cụ kết hôn với cụ Ngô Thị Dung, sinh năm 1940, quê quán: xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Ngày 01/8/1963, vợ chồng cụ sinh con trai, khai sinh là Nguyễn Văn Tuấn. Cụ và cụ Dung chỉ có 01 người con duy nhất là Nguyễn Văn Tuấn. Năm 1977, vợ chồng cụ ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (nay là Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh). Theo Quyết định của Tòa án thì cụ Dung là người trực tiếp nuôi cháu Tuấn và cụ chu cấp hàng tháng cho cháu. Sau đó, cụ Dung kết hôn với cụ Lê Phúc Hưng, sinh năm 1939. Cụ Hưng và cụ Dung đã đổi tên cháu Nguyễn Văn Tuấn thành Lê Việt Dũng. Cụ đề nghị Tòa án xác định ông Lê Việt Dũng là con đẻ của cụ để cụ có cơ sở thay đổi họ của cháu về họ Nguyễn và thay đổi quê quán của ông Dũng về quê quán của cụ là Trang Hạ, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Tại phiên tòa, ông Lê Việt Dũng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Lê Quốc Hùng đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật vì hiện nay cả cụ Hưng, cụ Dung, cụ Thầm đều đã chết.

Hội đồng xét xử, xét thấy: *Về thủ tục tố tụng:* khi thụ lý vụ án cụ Nguyễn Văn Thầm là nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 29/11/2020 cụ Thầm đã chết. Ngày 07/12/2020, ông Lê Việt Dũng có đơn đề nghị Tòa án xác nhận cụ Thầm là cha đẻ của ông, ông Dũng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên ông Dũng tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn mà không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như thụ lý ban đầu. *Về nội dung:* ngày 21/10/2020, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 05/2020/QĐ-TCGĐ về việc giám định gen để xác định quan hệ huyết thống giữa cụ Nguyễn Văn Thầm với ông Lê Việt Dũng. Tại Kết luận giám định số 361/C09-TT3 ngày 29/10/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đã kết luận: cụ Nguyễn Văn Thầm và ông Lê Việt Dũng (tức Nguyễn Văn Tuấn) có quan hệ huyết thống cha – con với xác xuất là 99.9999%". Căn cứ vào kết luận giám định thì có đủ cơ sở khẳng định cụ Nguyễn Văn Thầm là cha đẻ của ông Lê Việt Dũng (tức Nguyễn Văn Tuấn). Vì vậy, yêu cầu của ông Dũng là có căn cứ pháp luật, được chấp nhận.

Hội đồng xét xử đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Việt Dũng (tức Nguyễn Văn Tuấn) đối với ông Lê Quốc Hùng về việc xác nhận cha cho con; Xác nhận ông Lê Việt Dũng, tức Nguyễn Văn Tuấn là con đẻ của cụ Nguyễn Văn Thâm; Ông Lê Việt Dũng (tức Nguyễn Văn Tuấn) có quyền liên hệ với Cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để làm thủ tục về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

Qua vụ án trên chúng tôi có một vài bình luận sau:

Thứ nhất, vụ án này rơi vào trường hợp người đang có yêu cầu xác định một người là con của mình thì chết. Do đó, người con (do có hai giấy khai sinh và một trong hai giấy khai sinh thì nguyên đơn là bố) đã từ người có quyền và lợi ích liên quan chuyển thành nguyên đơn để xác định một người là bố của mình, đồng nghĩa với việc mong muốn xác định người chồng thứ hai của mẹ mình không phải là bố của mình. Do tính chất phức tạp của vụ án ở chỗ các hai ông bố và bà mẹ đã chết nên người em cùng cha khác mẹ tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

Thứ hai, toà án tiến hành trưng cầu giám định gen để xác định quan hệ huyết thống giữa các bên làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Điều thuận lợi là vẫn kịp lấy mẫu giám định trước khi người bố chết. Kết luận giám định được coi là chứng cứ hợp pháp.

Như vậy, vụ việc này thực chất các bên không có tranh chấp gì nhưng không thể giải quyết được ở uỷ ban nhân dân, do đương sự cùng một lúc có hai giấy khai sinh với tên hai người bố khác nhau. Do đó, khi ra toà, toà án phải hướng dẫn đương sự làm đơn, tạo ra vấn đề tranh chấp để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đáp ứng yêu cầu chính đáng của các bên.

Bản án số 731/2020/HNGĐ-ST, Ngày 16/12/2020 về việc tranh chấp xác nhận không phải là cha - con. Đương sự gồm: nguyên đơn là bà Đinh Thị Kim Dung, sinh ngày 10/02/1979 và bị đơn là ông Đặng Văn Vinh, sinh ngày 24/02/1976. Lúc này ông Vinh đang thi hành án phạt tù tại Đội 16, phân trại số 1, Trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc. Nội dung vụ việc như sau:

Bà Đinh Thị Kim Dung trình bày: bà đăng ký kết hôn với ông Đặng Văn Vinh ngày 31/3/1999 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống bà và ông Vinh sinh được 03 người con là Đặng Thúy Dương, sinh ngày 30/7/2000; Đặng Phương Anh, sinh ngày 19/3/2005 và Đặng Minh Hiếu, sinh ngày 26/7/2008. Ngày 26/6/2017, ông Đặng Văn Vinh bị bắt tạm giam vì vi phạm pháp luật và đã bị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội Hiếp dâm. Sau khi ông Vinh bị bắt hơn 01 năm thì bà có quan hệ tình dục với người đàn ông khác và sinh 01 bé trai vào ngày 01/01/2019. Bé trai này không phải là con của ông Vinh mà là con riêng của bà vì từ khi ông Vinh bị bắt tạm giam đến nay bà không đi thăm gặp ông Vinh lần nào. Tháng 9 năm 2019, bà đã làm đơn xin ly hôn ông Vinh và đã được Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xét xử cho ly hôn tại Bản án số 73 ngày 13/11/2019. Đồng thời bà được giao trực tiếp nuôi 02 con chung, còn cháu lớn đã thành niên. Khi ly hôn bà không khai ra bé trai do bà sinh ra ngày 01/01/2019. Đến nay bà không làm được thủ tục khai sinh cho cháu bé do cháu được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa bà với ông Vinh. Nay, bà đề nghị Tòa án giải quyết để xác định bé trai do bà sinh ra ngày sinh ngày 01/01/2019 theo Giấy chứng sinh số 01 ngày 01/01/2019 của Trung tâm y tế thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh là con riêng của bà, không phải là con đẻ của ông Đặng Văn Vinh.

Ông Đặng Văn Vinh trình bày tương tự như bà Dung. Sau khi ly hôn, ông mới được biết bà Dung đã sinh 01 bé trai ngày 01/01/2019. Khi ly hôn bà Dung không khai ra bé trai này là con riêng của bà Dung. Ông khẳng định giữa ông và bà Dung chỉ có 03 người con chung. Bé trai do bà Dung sinh ra ngày sinh ngày 01/01/2019 theo Giấy chứng sinh số 01 ngày 01/01/2019 của Trung tâm y tế thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh không phải là con đẻ của ông. Ông bị bắt tạm giam từ ngày 26/6/2017, từ đó giữa ông với bà Dung không gặp nhau lần nào. Ông đã được Tòa án giải thích và yêu cầu cung cấp mẫu để làm thủ tục giám định ADN nhưng ông từ chối không cung cấp mẫu, không yêu cầu giám định ADN vì sự thật bé trai đó không có quan hệ huyết thống cha – con với ông. Do hiện nay ông đang thi hành án phạt tù tại Đội 16, phân trại số 1, Trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc nên ông xin vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng của Tòa án.

Hội đồng xét xử nhận định: *Về nội dung:* khi giải quyết ly hôn tại Tòa án, cả bà Dung và ông Vinh đều không không khai ra bé trai do bà Dung sinh ra ngày 01/01/2019. Nay, bà Dung không làm được thủ tục khai sinh cho cháu bé do cháu được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa bà Dung với ông Vinh. Bà Dung đề nghị Tòa án giải quyết để xác định bé trai do bà sinh ra ngày sinh ngày 01/01/2019 theo Giấy chứng

sinh số 01 ngày 01/01/2019 của Trung tâm y tế thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh là con riêng của bà, không phải là con của ông Đặng Văn Vinh. Tòa án đã yêu cầu ông Vinh cung cấp mẫu để có căn cứ trưng cầu giám định ADN xác định quan hệ huyết thống cha-con giữa bé trai do bà Dung sinh ra ngày sinh ngày 01/01/2019 với ông Vinh, nhưng ông Vinh từ chối không cung cấp mẫu, không yêu cầu giám định ADN. Vì vậy, Tòa án không tiến hành thủ tục giám định ADN được. Đồng thời, bà Dung và ông Vinh đều khẳng định cháu bé không phải là con đẻ của ông Vinh mặc dù cháu được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa bà Dung với ông Vinh. Mặt khác, bà Dung thừa nhận cháu bé là con riêng của bà, từ khi ông Vinh bị bắt ngày 26/6/2017 bà và ông Vinh không gặp nhau lần nào. Luật Trẻ em năm 2016 có những quy định cụ thể về quyền của trẻ em. Điều 13 quy định về quyền được khai sinh và có quốc tịch. Do đó, trong trường hợp này, cần bảo vệ quyền lợi hợp pháp của trẻ em là bé trai do bà Dung sinh ra ngày 01/01/2019. Vì vậy, yêu cầu của bà Dung là có căn cứ pháp luật, được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã quyết định: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Kim Dung đối với ông Đặng Văn Vinh về việc xác nhận không phải là cha – con; Xác nhận bé trai sinh lúc 02 giờ 55 phút ngày 01/01/2019 theo Giấy chứng sinh số 01; quyển số 01 do Trung tâm y tế thị xã Từ Sơn, Sở y tế Bắc Ninh cấp ngày 01/01/2019 là con đẻ của bà Đinh Thị Kim Dung; Xác nhận bé trai sinh lúc 02 giờ 55 phút ngày 01/01/2019 theo Giấy chứng sinh số 01; quyển số 01 do Trung tâm y tế thị xã Từ Sơn, Sở y tế Bắc Ninh cấp ngày 01/01/2019 có họ tên mẹ là Đinh Thị Kim Dung không phải là con đẻ của ông Đặng Văn Vinh. Bà Đinh Thị Kim Dung có quyền liên hệ với Cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để làm thủ tục về hộ tịch cho con.

Về vụ việc này chúng tôi có một vài bình luận sau:

Thứ nhất, ngay từ khi ly hôn, cả hai vợ chồng đã ngầm hiểu người con thứ tư không phải là con chung của vợ chồng nên đã không khai với toà, do đó, khi ly hôn, không đặt ra việc giao con cho ai nuôi, ai cấp dưỡng khi cha mẹ ly hôn.

Thứ hai, từ khi sinh ra đứa trẻ chưa khai sinh, do đó, sau khi ly hôn thì mẹ đứa trẻ mới yêu cầu xác định người chồng đã ly hôn không phải là cha của đứa con do mình sinh ra. Vì vậy, toà án có thể coi đây là một vụ việc độc lập, do đó, bản án ly hôn không bị xem xét lại theo thủ tục tái thẩm.

Thứ ba, bị đơn từ chối không cung cấp mẫu để tiến hành giám định gen, nhưng toà án dựa vào lời khai, sự thừa nhận của các bên đương sự về việc đứa trẻ không phải là con chung, về thời gian người chồng chấp hành hình phạt tù, không có sự qua lại thăm hỏi của người vợ, thời điểm đứa trẻ được sinh ra, vì vậy, toà án vẫn có cơ sở để xác định người chồng không phải là cha của đứa con do người vợ sinh ra trong thời kỳ hôn nhân.

Qua việc phân tích các vấn đề về pháp lý và thực tiễn xác định lại quan hệ cha con, chúng tôi đưa ra một vài kiến nghị hoàn thiện pháp luật như sau:

Thứ nhất, Luật HN&GĐ cần bổ sung quyền yêu cầu xác định lại quan hệ cha và con cho người con khi họ muốn yêu cầu xác định một người đang là cha không phải là cha của họ.

Thứ hai, Luật HN&GĐ cần bổ sung quy định cụ thể các trường hợp có tranh chấp trong việc mang thai hộ khi vi phạm điều kiện mang thai hộ hay mang thai hộ vì mục đích thương mại.

Thứ ba, nếu việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản với việc xin tinh trùng, xin phôi từ ngân hàng tinh trùng, ngân hàng phôi thì Pháp luật Hôn nhân và gia đình nên quy định không cho phép người chồng dược yêu cầu xác định lại quan hệ cha và con.

Thứ tư, việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp mang thai hộ nên được áp dụng tương tự như nguyên tắc suy đoán tại Điều 88 Luật HN&GĐ năm 2014. Trong vấn đề mang thai hộ có thể vì lý do này, lý do khác mà đứa trẻ có thể sinh ra không phải là sự kết hợp của noãn và tinh trùng của cặp vợ chồng vô sinh nhờ mang thai hộ. Do đó, họ có quyền xác định lại quan hệ cha mẹ và con và phải có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó.

Thứ năm, Pháp luật Hôn nhân và gia đình cần quy định thêm nếu một người đang yêu cầu xác định một người không phải là cha, mẹ, con của mình mà chết thì những người thân thích của họ có quyền yêu cầu toà án xác định một người không phải là cha, mẹ, con của người có yêu cầu chết. Thêm vào đó, cần hướng dẫn cụ thể cách thức thực hiện thủ tục xác định cha, mẹ, con theo Điều 92 Luật HN&GĐ năm 2014 theo hướng coi đây là một trường hợp ngoại lệ để cho người thân thích của người đã từng có yêu cầu nhưng bị chết được tiếp tục tham gia tố tụng trong vụ án đó mà không nên đình chỉ rồi lại yêu cầu khởi kiện thành một vụ án mới./.